

2026 Easy Sport Competition - Mini-squash Competition 簡易運動大賽 -小型壁球比賽

Division 組別: Girls B Grade 女子乙組

Date 日期: 2026/05/9, 2026/05/10, 2026/05/16

Venue 比賽場地: Hong Kong Squash Centre (23 Cotton Tree Drive, Hong Kong) 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事					
Round 1	Round 2	Round 3	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Suen Emma 孫嘉晞 (奉基) BYE	Suen Emma 孫嘉晞 (奉基) 2026-05-10 / 10:40 / Crt 10 (HKSC)	TBC 2026-05-10 / 15:00 / Crt 9 (HKSC)	TBC 2026-05-16 / 10:00 / Crt 9 (HKSC)	TBC 2026-05-16 / 11:40 / Crt 9 (HKSC)	TBC CHAMPION 2026-05-16 / 13:20 / Crt 9 (HKSC)
Chan Tsz Tung 陳梓桐 (基法) 2026-05-09 / 10:20 / Crt 9 (HKSC) Cheung Hiu Sen 張曉晨 (浸聯)	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
Wong Tsz Yin Kate 黃子言 (何壽南) 2026-05-09 / 10:20 / Crt 8 (HKSC) Lau Xiu Yi 劉欣怡 (正覺)	TBC 2026-05-10 / 10:40 / Crt 11 (HKSC)				
Chan Hoi Ching Natalie 陳凱晴 (救恩) 2026-05-09 / 10:20 / Crt 10 (HKSC) Liu Shu Yiu Bernice 廖舒瑤 (沙官)					
Lo Ki Ki 盧琦淇 (正覺) BYE	Lo Ki Ki 盧琦淇 (正覺) 2026-05-10 / 10:40 / Crt 7 (HKSC)	TBC 2026-05-10 / 15:00 / Crt 8 (HKSC)			
Chan Heng Yau 陳杏柔 (浸聯) 2026-05-09 / 10:20 / Crt 11 (HKSC) Tang Chor Yiu 鄧楚瑤 (基福)	TBC	TBC			
Cheung Tsz Lam 張梓琳 (何壽南) 2026-05-09 / 10:20 / Crt 7 (HKSC) Leung Hoi Nam Lizzie 梁鎧藍 (救恩)	TBC 2026-05-10 / 10:40 / Crt 13 (HKSC) Chen Beilin 陳貝琳 (基法)				
BYE Chen Beilin 陳貝琳 (基法)					
Lin Wan Tung 林韻彤 (基福) BYE	Lin Wan Tung 林韻彤 (基福) 2026-05-10 / 10:40 / Crt 14 (HKSC)	TBC 2026-05-10 / 15:00 / Crt 10 (HKSC)	TBC 2026-05-16 / 10:00 / Crt 8 (HKSC)		TBC 3/4 Playoff 季/殿軍賽 2026-05-16 / 13:20 / Crt 8 (HKSC)
Lau Chin Yau 劉芊滄 (何壽南) 2026-05-09 / 10:20 / Crt 13 (HKSC) Liu Ziya Zelia 劉孜雅 (沙官)	TBC	TBC	TBC		TBC
Fung Sze Ching 馮詩澄 (聖約瑟) 2026-05-09 / 10:20 / Crt 14 (HKSC) Guo Yin Ying 郭胤穎 (基法)	TBC 2026-05-10 / 11:00 / Crt 9 (HKSC) Wong Tsz Tung 黃子焯 (浸聯)				
BYE Wong Tsz Tung 黃子焯 (浸聯)					
Wang Yu Nam 王雨楠 (基福) 2026-05-09 / 10:40 / Crt 9 (HKSC) Cheung Yan Yuet 張忻悅 (奉基)	TBC 2026-05-10 / 11:00 / Crt 8 (HKSC)	TBC 2026-05-10 / 15:00 / Crt 11 (HKSC)			
Chung Yu Kiu 鍾宇翹 (聖約瑟) 2026-05-09 / 10:40 / Crt 8 (HKSC) Chen Wan Yan 陳允恩 (浸聯)	TBC	TBC			
Lau Tsz Yue 劉梓瑜 (正覺) 2026-05-09 / 10:40 / Crt 10 (HKSC) Chung Yan Wing 鍾恩穎 (沙官)	TBC 2026-05-10 / 11:00 / Crt 10 (HKSC) Lam Sin Jasmine 林倩 (救恩)				
BYE Lam Sin Jasmine 林倩 (救恩)					
Fong Tsz Min Elly 方祉敏 (李炳) BYE	Fong Tsz Min Elly 方祉敏 (李炳) 2026-05-10 / 11:00 / Crt 11 (HKSC)	TBC 2026-05-10 / 15:20 / Crt 9 (HKSC)	TBC 2026-05-16 / 10:00 / Crt 10 (HKSC)	TBC 2026-05-16 / 11:40 / Crt 8 (HKSC)	
Pang Sze Yiu 彭思堯 (基福) 2026-05-09 / 10:40 / Crt 11 (HKSC) Lau Ka Yu 劉珈瑜 (奉基)	TBC	TBC	TBC	TBC	
Kwong Ching Nam 鄺靖嵐 (沙官) 2026-05-09 / 10:40 / Crt 7 (HKSC) Ma Wai Kiu 馬尉喬 (正覺)	TBC 2026-05-10 / 11:00 / Crt 7 (HKSC)				

2026 Easy Sport Competition - Mini-squash Competition 簡易運動大賽 -小型壁球比賽

Division 組別: Girls B Grade 女子乙組

Date 日期: 2026/05/9, 2026/05/10, 2026/05/16

Venue 比賽場地: Hong Kong Squash Centre (23 Cotton Tree Drive, Hong Kong) 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事					
Round 1	Round 2	Round 3	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Wong Charis 黃祈悅 (救恩) 2026-05-09 / 10:40 / Crt 13 (HKSC) Yeung Cheuk Na 楊卓娜 (聖約瑟)					
Tam Lok Hei 譚洛熙 (基法) BYE	Tam Lok Hei 譚洛熙 (基法) 2026-05-10 / 11:00 / Crt 13 (HKSC)	TBC 2026-05-10 / 15:20 / Crt 8 (HKSC)			
Chak Wai Suen 翟緯鏞 (何壽南) 2026-05-09 / 10:40 / Crt 14 (HKSC) Lam Sze Nok 林思諾 (沙官)	TBC	TBC			
Chan Tsz Tung 陳芷潼 (正覺) 2026-05-09 / 11:00 / Crt 9 (HKSC) Lam Ka Yeung 林加陽 (基法)	TBC 2026-05-10 / 11:00 / Crt 14 (HKSC) Li Wai Wai 李維維 (基福)				
BYE Li Wai Wai 李維維 (基福)					
Au Yeung Hei Yee 歐陽喜兒 (浸聯) BYE	Au Yeung Hei Yee 歐陽喜兒 (浸聯) 2026-05-10 / 11:20 / Crt 9 (HKSC)	TBC 2026-05-10 / 15:20 / Crt 10 (HKSC)	TBC 2026-05-16 / 10:00 / Crt 11 (HKSC)		
Chan Wing Yi 陳泳沂 (正覺) 2026-05-09 / 11:00 / Crt 8 (HKSC) Zhu Jinshang 祝瑾尚 (李炳)	TBC	TBC	TBC		
Luk Wing Shuen 陸詠璇 (救恩) 2026-05-09 / 11:00 / Crt 10 (HKSC) Li Ying Tung 李映彤 (基福)	TBC 2026-05-10 / 11:20 / Crt 8 (HKSC) Yeung Tsz Yuet 楊梓玥 (何壽南)				
BYE Yeung Tsz Yuet 楊梓玥 (何壽南)					
Ng Hiu Ying 伍曉盈 (聖約瑟) 2026-05-09 / 11:00 / Crt 11 (HKSC) Yeung Tsz Yu 楊梓瑜 (何壽南)	TBC 2026-05-10 / 11:20 / Crt 10 (HKSC)	TBC 2026-05-10 / 15:20 / Crt 11 (HKSC)			
Ng Yi Jana 吳倚 (救恩) 2026-05-09 / 11:00 / Crt 7 (HKSC) Koo Ching Chi Giselle 古靜之 (浸聯)	TBC	TBC			
Chau Chi Yuet 周之悅 (沙官) 2026-05-09 / 11:00 / Crt 13 (HKSC) Wang Yueran 王玥然 (基法)	TBC 2026-05-10 / 11:20 / Crt 11 (HKSC) Tang Sheung Sheung 鄧雙緜 (聖約瑟)				
BYE Tang Sheung Sheung 鄧雙緜 (聖約瑟)					